TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2021/HNGĐ-PT.
Ngày: 06 -01-2021.
V/ v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và ông Vương Hồng Giang

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐXX-PT ngày 10 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Văn A, sinh năm 1980 (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Tạ Văn A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã (nay là phường) ĐT - P vào ngày 24/11/2011. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình, tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm và cách sống từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau làm ảnh hưởng đến con cái, cũng từ đó anh có những lúc suy nghĩ đến người phụ nữ khác. Sau đó anh đã buông bỏ để sống yên ổn cùng chị B, nhưng chị B đã có nhiều cách cư xử không đúng mực, thiếu văn minh như đi đánh ghen, chửi bới làm mất mặt anh. Anh xác định không còn tình cảm với chị B nữa, nên đã làm đơn xin ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung, có hai con chung là Tạ Ngọc H, sinh ngày 25/12/2007 và Tạ Việt A, sinh ngày 09/10/2011. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Do chị B cũng có nguyện vọng nuôi cả hai

con nên anh nhất trí để chị B nuôi dưỡng cả hai con chung, việc chị B không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung như anh A đề nghị và trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh A đi quan hệ trai gái ở bên ngoài rồi về ruồng rẫy, đánh đập chửi bới chị và con. Chị xác định bản thân chị không có lỗi gì để anh A phải ly hôn chị. Tuy anh đối xử với chị như vậy nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh A nên mong anh A suy nghĩ lại về đoàn tụ, nuôi dạy con chung chứ chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nếu anh A kiên quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho anh A được ly hôn với chị thì chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung, các khoản cho vay chung, không có.

Với nội dung trên, tại bản án số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tạ Văn A đối với chị Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tạ Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Tạ Văn A và chị Nguyễn Thị B về việc nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tạ Ngọc H, sinh ngày 25/12/2007 và Tạ Việt A, sinh ngày 09/10/2011. Chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh A cho đến khi chị B có yêu cầu. Anh A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh Tạ Văn A và chị Nguyễn Thị B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh A và chị B xác định trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí:Anh Tạ Văn A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0004708 ngày 05/5/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2020 chị Nguyễn Thi B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Tạ Văn A , sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị B giữ nguyên nội dung kháng cáo không nhất trí ly hôn. Chị B trình bày: Nguyên nhân dẫn đến việc anh A làm đơn xin ly hôn là do anh A có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà hắt hủi, chửi mắng đánh đập chị. Tuy nhiên, chị chấp nhận và tha thứ cho anh Ađể hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Hơn nữa chị vẫn còn tình cảm với anh A, nên việc anh A xin ly hôn chị không nhất trí, chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn ly hôn của anh Tuấn.

Anh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tình cảm giữa anh và chị B đã không còn.Tuy anh là người có lỗi với chị B trước nhưng anh cũng đã hối cải và quay về cùng chị B vun đắp hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, chị B không tha thứ cho anh, đã nhiều lần xúc phạm anh làm anh mất uy tín danh dự trước gia đình bạn bè. Nếu tiếp tục sống chung thì chỉ là dày vò lẫn nhau và làm hai bên đều mệt mỏi, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của các con. Anh đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của chị B, cho anh được ly hôn chị B để giải phóng cho nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị B, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giao hai con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị B làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị B về việc không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị B và anh A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn cũng đã có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ những mâu thuẫn nhỏ vợ chồng không bình tĩnh giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc anh A có thời điểm đã không giữ được sự chung B giữa vợ chồng. Tuy chị B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và cả hai bên đều cố gắng khắc phục về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng biện pháp chị B áp dụng để hàn gắn chưa thỏa đáng. Những cách xử sự trong cuộc sống hàng ngày đã khiến cả hai bên mất dần sự tín nhiệm, tôn trọng, thông cảm với nhau, dẫn đến việc anh A làm đơn xin ly hôn. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm cả hai đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh A đã dọn đi ở nơi khác và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn

diện mọi vấn đề: Giữa chị B và anh A có khả năng hàn gắn hay không? Mục đích hôn nhân còn đạt được hay không? Từ đó cho anh Ađược ly hôn chị B.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa chị B cũng xác định, hiện chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì bản thân anh A đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, bỏ mặc chị và các con. Khi về sống chung anh vẫn có hành vi chửi mắng, đánh đập chị. Điều đó cho thấy mục đích hôn nhân của anh chị không còn đạt được, có tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển và tâm lý của các con. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị B.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt chị B, nhưng lại công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần con chung theo biên bản hòa giải là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để áp dụng các quy định pháp luật cho đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B cũng thể hiện nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và anh A nhất trí, nên cấp phúc thẩm sửa cách tuyên án cho đúng, giao cả hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng được giải quyết khi một trong các bên có yêu cầu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị B. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tạ Văn A đối với chị Nguyễn Thị B. Anh Tạ Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Tạ Ngọc H, sinh ngày 25/12/2007 và Tạ Việt A, sinh ngày 09/10/2011 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tạ Văn A vì chị B chưa có yêu cầu. Anh A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Tạ Văn A và chị Nguyễn Thị B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh Avà chị B xác định trong quá trình chung sống không có nợ chung, nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Anh Tạ Văn A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0004708 ngày 05/5/2020.

Chị Nguyễn Thị B không phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, chị B được nhận lại số tiền này theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004897 ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND Thị xã P;
- THADS Thị xã P;
- UBND phường ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Thị Hồng Phương

Vương Hồng Giang

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguễn Thị B